

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2023

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Ông Tô Quốc Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị N**- sinh năm 1996 (*có mặt*)

Nơi đăng ký thường trú: thôn G, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Trú tại: đội 1, thôn V, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Hồ Văn Đ** - sinh năm 1987 (*vắng mặt*)

Nơi đăng ký thường trú và trú tại: thôn G, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/4/2023 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh Hồ Văn Đ được tự do, tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 24/6/2014 tại UBND Thống Nhất, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở thôn G, xã T, huyện

Thường Tín, thành phố Hà Nội. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2021, nguyên nhân do anh Đ thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ, không chịu làm ăn lo kinh tế trong gia đình. Chị đã về nhà bố mẹ để sống từ đầu năm 2021 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Trong thời gian ly thân anh Đ có vài lần xuống nhà hòa giải nhưng chị không đồng ý quay về chung sống. Chị không còn tình cảm yêu thương anh Đ, vợ chồng không có khả năng quay về đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và Đ có hai con chung là cháu Hồ Minh Đ sinh ngày 05/8/2016 và Hồ Minh Đ1 sinh ngày 30/11/2018. Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Từ năm 2021 khi vợ chồng sống ly thân, các con do chị trực tiếp nuôi dưỡng và đang học tập tại xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Chị làm công nhân thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/01 tháng. Về chỗ ở chị đang ở tại nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị N không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Hồ Văn Đ trình bày:

Anh và chị Lê Thị N được tự do tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà anh ở thôn G, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N hay giận dỗi, bỏ về nhà bố mẹ đẻ, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ bốn lần nhưng sau đó lại quay về nhà. Tháng 5 năm 2022, chị N đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn V, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội sinh sống từ đó cho đến nay không sống cùng anh. Anh Đ đã nhiều lần xuống nhà chị N, gọi điện liên lạc hòa giải nhưng chị N không gặp gỡ, nói chuyện nên vợ chồng không hòa giải được. Anh đồng ý ly hôn với chị N vì vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung là cháu Hồ Minh Đ sinh ngày 05/8/2016 và Hồ Minh Đ1 sinh ngày 30/11/2018. Ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Minh Đ, giao cháu Hồ Minh Đ1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay các con của anh đang học tập tại xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Anh sức khỏe yếu nên ở nhà, không có công việc và không có thu nhập. Về chỗ ở, anh có nhà ở ổn định tại thôn G, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng anh không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và anh Đ không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa:

+Chị N: giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của mình.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị N được ly hôn anh Hồ Văn Đ. Về con chung: Giao con chung là cháu Hồ Minh Đ sinh ngày 05/8/2016 và Hồ Minh Đ1 sinh ngày 30/11/2018 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Anh Đ có quyền nghĩa vụ, thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Hồ Văn Đ đã được tổng Đ1 hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Hồ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/6/2014 tại UBND xã T, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật

Hôn nhân gia đình năm 2014. Theo lời khai của các đương sự và xác minh của gia đình hai bên thì chị N và anh Đ phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, vợ chồng sống ly thân hai năm nay, không quan tâm đến nhau. Anh Đ xác nhận giữa anh và chị N đến nay không còn tình cảm, không hòa giải được mâu thuẫn và anh Đ đồng ý ly hôn với chị N. Như vậy, thể hiện vợ chồng anh chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt tại các buổi hòa giải không có lý do. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ1 được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Hồ Văn Đ.

[4] Về con chung: Chị N và anh Đ có hai con chung là cháu Hồ Minh Đ sinh ngày 05/8/2016 và Hồ Minh Đ1 sinh ngày 30/11/2018. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của các đương sự đều chính đáng. Tuy nhiên thực tế các con do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và sinh sống học tập tại xã T hơn hai năm nay. Anh Đ có nguyện vọng xin nuôi con nhưng anh thừa nhận sức khỏe yếu nên không có công việc và không có thu nhập. Đối với chị N hiện đi làm và có thu nhập đảm bảo việc nuôi con. Nguyện vọng của cháu Đ muốn sống cùng chị N, cháu Đ1 còn nhỏ (06 tuổi) nên cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con và phù hợp nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Hồ Minh Đ và Hồ Minh Đ1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 26- Luật thi hành án dân sự.
- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N. Chị Lê Thị N được ly hôn anh Hồ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hồ Minh Đ sinh ngày 05/8/2016 và Hồ Minh Đ1 sinh ngày 30/11/2018 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Anh Đ có quyền nghĩa vụ, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai số AA/2020/0023351 ngày 29/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Hồ Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã T, huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hiền